

PHẦN ĐỌC THÀNH TIẾNG

Đọc thành tiếng (5 điểm) (Phần đọc 4 điểm, trả lời câu hỏi 1 điểm)

- Thời gian đọc: 1,5 phút /học sinh.
- HS bốc thăm, đọc thành tiếng một đoạn của các bài tập đọc sau và trả lời câu hỏi.

*** Bài “*Chuỗi ngọc lam*” TV5 – Tập 1 – trang 134.**

a/ Đoạn “*Chiều hôm ấy..... đừng đánh rơi nhé*”.

Hỏi: *Cô bé mua chuỗi ngọc lam để tặng ai?*

(Cô bé mua chuỗi ngọc lam để tặng chị của mình, người đã nuôi cô bé từ khi mẹ mất).

Hỏi: *Cô bé có đủ tiền mua chuỗi ngọc không? Chi tiết nào cho biết điều đó?*

(Cô bé không đủ tiền mua chuỗi ngọc đó qua chi tiết: cô bé mở khăn tay ra, đổ lên bàn một nắm xu. Pi e trầm ngâm nhìn cô bé rồi cúi húi gỡ mảnh giấy ghi giá tiền).

b/ Đoạn “*Ngày lễ Nô-en tới..... Bằng toàn bộ số tiền em có*”.

Hỏi: *Chị của cô bé tìm gặp Pi e để làm gì?*

(Đề hỏi chuỗi ngọc này có phải cô bé mua ở tiệm của Pi-e không?, có phải ngọc thật không? Có nhớ đã bán cho ai không? Giá bao nhiêu?)

Hỏi: *Vì sao Pi e nói rằng, em bé đã trả giá rất cao để mua chuỗi ngọc*

(Vì em mua bằng toàn bộ số tiền em dành dụm được/ Vì em bé đã lấy tất cả số tiền mà em đập con lợn đất để mua món quà tặng chị.)

*** Bài “*Buôn Chur Lênh đón cô giáo*” TV5 – Tập 1– trang 144.**

a/Đoạn “*Căn nhà sàn....Tốt cái bụng đó, cô giáo ạ*”.

Hỏi: *Cô giáo Y Hoa đến buôn Chur Lênh để làm gì?*

(Cô giáo đến buôn Chur Lênh để mở trường dạy học).

Hỏi: *Người dân Chur Lênh đón tiếp cô giáo trang trọng và thân tình như thế nào?*

(Căn nhà sàn chật ních người, họ mặc quần áo như đi hội, họ trải lông thú trắng tấp, mịn như nhung. Đón cô giáo bằng nghi thức trang trọng nhất dành cho khách quý. Già Rok trưởng buôn đón khách và đưa cho cô giáo một con dao để cô chém một nhát thật sâu vào cột, thực hiện nghi lễ trở thành người trong buôn).

b/Đoạn “*Rồi giọng cô giáo.....chữ cô giáo*”.

Hỏi: *Chi tiết nào cho thấy dân làng rất háo hức chờ đợi và yêu quý “cái chữ”?*

(Mọi người cùng ủa theo già làng đề nghị cô giáo cho xem cái chữ, mọi người im phăng phắc khi cô giáo viết chữ. Khi cô viết xong bao nhiêu tiếng cùng hò reo: Ôi chữ cô giáo).

*** Bài “*Thầy thuốc như mẹ hiền*” TV5 – Tập 1 – trang 153**

a/Đoạn “*Hải Thượng Lãn Ông....gạo củi*”.

Hỏi: *Chi tiết nào nói lên lòng nhân ái của Lãn Ông trong việc ông chữa bệnh cho con người thuyền chài?*

(Con người thuyền chài bị bệnh đậu, Lãn Ông nghe tin bèn đến thăm. Cháu bé người đầy mụn mủ, mùi hôi tanh, ông ân cần chăm sóc suốt cả tháng trời, khi khỏi không lấy tiền mà còn cho gạo, củi).

b/Đoạn “Một lần khác.....hồi hận”.

Hỏi: Điều gì thể hiện lòng nhân ái của Lãn Ông trong việc ông chữa bệnh cho người phụ nữ?

(Lãn Ông tự buộc tội mình về cái chết của một người bệnh không phải do ông gây ra. Điều đó chứng tỏ ông là một thầy thuốc rất có lương tâm và trách nhiệm)

***Cách đánh giá điểm:**

+ Đọc đúng tiếng, đúng từ: 1 điểm

(Đọc sai 2 – 4 tiếng: 0,5 điểm; sai từ 5 tiếng trở lên: 0 điểm)

+ Ngắt , nghỉ hơi đúng chỗ (ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa): 1 điểm

(Ngắt, nghỉ hơi không đúng 2 – 3 chỗ: 0,5 điểm; ngắt, nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: 0 điểm)

+ Giọng đọc bước đầu có biểu cảm: 1 điểm

(Giọng đọc chưa thể hiện rõ tính biểu cảm: 0,5 điểm; giọng đọc không thể hiện được tính biểu cảm: 0 điểm)

+ Tốc độ đạt yêu cầu (không quá 1,5 phút): 1 điểm

(Đọc quá 1.5 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút: 0 điểm)

+ Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm

(Trả lời chưa rõ ràng, chưa đủ ý: 0,5 điểm; Trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm).

- Điểm đọc thành tiếng không làm tròn số.

TRƯỜNG TH SỐ 2 AN ĐỨC**KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2015- 2016**

Họ và tên HS :

Môn : Đọc thầm Lớp 5

Lớp : 5

Thời gian 30 phút (Không kể thời gian phát đề)

SBD.....

Ngày kiểm tra :.....

Điểm		CHỮ KÍ	
Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Giám thị	Giám khảo

I/ Đọc thầm bài “ Ngu Công xã Trịnh Tường ” SGK- TV5- Tập 1 Trang 164 và làm bài tập sau

**Em hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:*

1. Ông Lìn đã làm thế nào để đưa được nước về thôn?

- A. Ông cùng vợ con đào suốt một năm trời.
B. Một mình ông đào suốt một năm trời.
C. Ông cùng dân bản đào suốt một năm trời.

2. Nhờ có mương nước, tập quán canh tác ở thôn Phìn Ngan đã thay đổi như thế nào?

- A. Dân bản trồng lúa nương. B. Dân bản cấy lúa nước.
C. Dân bản kết hợp cấy lúa nước và làm nương.

3. Ông Lìn đã nghĩ ra cách gì để giữ rừng, bảo vệ dòng nước?

- A. Đến xã bạn học cách trồng cây thảo quả về hướng dẫn bà con cùng làm.
B. Cùng bà con học cách trồng cây thảo quả.
C. Cả thôn cùng trồng cây thảo quả.

4. Câu chuyện giúp em hiểu được điều gì?

- A. Muốn chiến thắng được đói nghèo, lạc hậu, phải có quyết tâm , tinh thần vượt khó.
B. Muốn có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, phải dám nghĩ dám làm.
C. Cả hai ý trên đều đúng.

5. Ông Lìn được ai khen ngợi?

- A. Chủ tịch tỉnh Lào Cai. B. Chủ tịch nước.
C. Chủ tịch xã Trịnh Tường.

6. Câu “Ông Phàn Phù Lìn vinh dự được Chủ tịch nước gửi thư khen ngợi.” là kiểu câu gì?

- A. Câu kể B. Câu cảm C. Câu khiến

7. Từ đồng nghĩa với từ in đậm trong câu: “Cả thôn không còn hộ đói” là:

A. Nghèo, khôn khó, túng quẫn.

B. Đói khổ, vất vả, lạc hậu.

C. No đủ, sung sướng, giàu có.

8. Chủ ngữ của câu: “Dân bản gọi dòng mương ấy là con nước ông Lìn”

A. Dân bản gọi dòng mương ấy

B. Dân bản

C. Dân bản gọi dòng mương ấy là con nước

9. Các từ trong nhóm “ Bà con, con mương” có quan hệ với nhau như thế nào?

A. Đó là những từ đồng nghĩa.

B. Đó là những từ đồng âm.

C. Đó là một từ nhiều nghĩa.

10. Câu: “Nhờ ông Lìn dám nghĩ dám làm mà cuộc sống của thôn Phìn Ngan có nhiều thay đổi.” có mấy quan hệ từ?

A. Một quan hệ từ

B. Hai quan hệ từ

TRƯỜNG TH SỐ 2 AN ĐỨC
TỔ CM 4& 5

KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2015-2016
MÔN TIẾNG VIỆT - LỚP 5
PHẦN VIẾT

Thời gian làm bài: 60 phút

I. Chính tả (Nghe – viết): 5 điểm (Thời gian 20 phút)

Bài: Chuỗi ngọc lam (TV5 – Tập 1 – trang 134)

Viết đầu bài và đoạn: “*Chiều hôm ấy.....Cháu đã đập con lợn đất đấy.*”

II. Tập làm văn: 5 điểm (Thời gian 40 phút)

Hãy tả một bạn học cùng lớp với em đã để lại cho em nhiều ấn tượng tốt đẹp.

TRƯỜNG TH SỐ 2 AN ĐỨC
TỔ CM 4& 5

KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2015-2016

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

A/Đọc thầm và làm bài tập(5 điểm)

Câu 1: A (0,5 điểm)	Câu 6: A (0,5 điểm)
Câu 2: B (0,5 điểm)	Câu 7: A (0,5 điểm)
Câu 3: A (0,5 điểm)	Câu 8: B (0,5 điểm)
Câu 4: C (0,5 điểm)	Câu 9: B (0,5 điểm)
Câu 5: B (0,5 điểm)	Câu 10: C (0,5 điểm)

B. PHẦN VIẾT

1. Chính tả (5 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn: 5 điểm.
- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định) trừ 0,5 điểm.
- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn trừ 0,5 điểm đến 1 điểm toàn bài.

2. Tập làm văn (5 điểm)

+ Bài làm đảm bảo các yêu cầu sau được 5 điểm:

- Viết được bài văn tả người đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài đúng yêu cầu. Độ dài bài viết từ 15 câu trở lên. Bài viết biết sử dụng các từ ngữ sinh động, gợi tả, gợi cảm làm nổi bật được ngoại hình, tính tình, hoạt động của một người bạn cùng lớp.

- Bài viết thể hiện được tình cảm của người viết, những ấn tượng khó quên về bạn

- Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác, không mắc lỗi chính tả.

- Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ.

+ Tuỳ mức độ sai sót về ý, diễn đạt và chữ viết, cách trình bày có thể cho các mức điểm: 4,5-4-3,5-3-2,5-2-1,5-1-0,5.

Lưu ý: - Điểm bài kiểm tra đọc (đọc thầm và đọc thành tiếng), điểm bài kiểm tra viết (chính tả và tập làm văn) và điểm kiểm tra môn Tiếng Việt là điểm nguyên được làm tròn số 0,5 thành 1 điểm.

Ví dụ: 7,25 thành 7,00

7,50 thành 8,00

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN 5 CUỐI HKI – 2015-2016

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính với chúng.	Số câu	2		1			1	3	1
	Số điểm	2,0		1,0			2,0	3,0	2,0
Đại lượng và đo đại lượng: độ dài, khối lượng, thời gian, diện tích, thể tích.	Số câu	1			1			1	1
	Số điểm	1,0			2,0			1,0	2,0
Yếu tố hình học: chu vi, diện tích, thể tích các hình đã học.	Số câu	1	1					1	1
	Số điểm	1,0	1,0					1,0	1,0
Tổng	Số câu	4	1	1	1		1	5	3

	Số điểm	4,0	1,0	1,0	2,0		2,0	5,0	5,0
--	---------	-----	-----	-----	-----	--	-----	-----	-----

TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 AN ĐỨC TỔ CM 4& 5 _____ Họ và tên: Số ký danh: Lớp: Trường:	BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I Năm học: 2015-2016 – Môn: TOÁN 5	Mã phách
--	--	-----------------

Thời gian làm bài: 40 phút (Không kể phát đề)

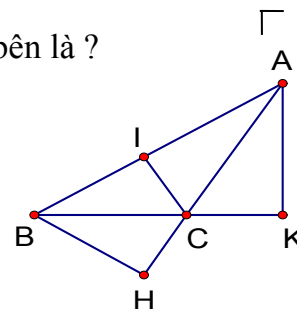
Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Mã phách

Câu 1.(1điểm) Số thập phân gồm có: “Hai đơn vị, một phần trăm và năm phần nghìn”, được viết là ?
 A. 2,150 B. 20,15 C. 2,015 D. 2,105

Câu 2.(1 điểm) Chữ số 7 trong số 9,674 có giá trị là ?
 A. 70 B. 7 C. $\frac{7}{100}$ D. $\frac{7}{1000}$

Câu 3 (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:
 Giá trị của biểu thức : $2015 - 22,5 : 2,5 \times 3,7$ là:.....

Câu 4 (1 điểm)Đường cao ứng với đáy BC của tam giác ABC ở hình vẽ bên là ?
 A. AC B. AK
 C. BH D. CI



Câu 5 (1 điểm) $2015m^2 = \dots\dots\dots ha$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là ‘
 A. 0,2015 B. 2,015
 C. 20,15 D. 201,5

Câu 6. (1 điểm). Một tam giác có cạnh đáy dài 10,9 dm, chiều cao tương ứng bằng 52 cm. Diện tích tam giác đó bằng bao nhiêu dm^2 ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. (2 điểm). Một nhóm thợ nề có 12 người dự định xây xong một căn nhà trong 45 ngày. Nay muốn xây xong căn nhà đó trong 30 ngày thì cần phải có bao nhiêu người thợ như vậy? (Sức làm của mỗi người thợ nề là như nhau) ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. (2 điểm). Lớp 5B có 23 học sinh , số học sinh nữ có 13 bạn.Hỏi:
 a) Số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm so với cả lớp?
 b) Số bạn nam chiếm bao nhiêu phần trăm so với cả lớp?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Ma trận câu hỏi để kiểm tra môn Toán 5 cuối học kì I lớp 5 2015-2016

TT	Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Cộng
1	Số học	Số câu	02	01	01	4

		Câu số	1, 2	3	8	
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu	01	01		2
		Câu số	5	7		
3	Yếu tố hình học	Số câu	02			2
		Câu số	4, 6			
	Tổng số câu		5	2	1	8

TRƯỜNG TH SỐ 2 AN ĐỨC
TỔ CM 4& 5

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI
NĂM HỌC 2015 – 2016

MÔN TOÁN - Lớp 5

Câu 1: (1 điểm) Chọn **C**

Câu 2: (1 điểm) Chọn **C**

Câu 3: (1 điểm) Đáp án : **1981,7**

Câu 4: (1 điểm) Chọn **B**

Câu 5: (1 điểm) Chọn **A**

Câu 6: (1 điểm)

- Mỗi câu lời giải đúng được 0,5 điểm
- Mỗi phép tính giải đúng và tính đúng kết quả được 0,5 điểm.

Bài giải:

$$52 \text{ cm} = 5,2 \text{ dm}$$

$$\text{Diện tích tam giác là: } (10,9 \times 5,2) : 2 = 28,34 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 28,34 \text{ dm}^2$$

(Học sinh không đổi số đo cho $\frac{1}{2}$ số điểm)

Câu 7: (2 điểm)

- Mỗi câu lời giải đúng được 0,5 điểm
- Mỗi phép tính giải đúng và tính đúng kết quả được 0,5 điểm.

Bài giải:

Số người thợ nề để xây xong căn nhà đó trong 1 ngày là

$$12 \times 45 = 540 \text{ (người)}$$

Số người thợ nề để xây xong căn nhà đó trong 30 ngày là

$$540 : 30 = 18 \text{ (người)}$$

$$\text{Đáp số: } 18 \text{ người}$$

Câu 8: (2 điểm)

- Mỗi câu lời giải đúng được 0,5 điểm
- Mỗi phép tính giải đúng và tính đúng kết quả được 0,5 điểm.

Bài giải:

Số bạn nữ chiếm số phần trăm so với cả lớp là

$$13 : 31 = 0,5352 = 53,52 \%$$

Số bạn nam chiếm số phần trăm so với cả lớp là
 $100\% - 53,52\% = 46,68\%$

Đáp số: a) Nữ chiếm 53,52 %
b) Nam chiếm 46,68 %

*** Chú ý:** - Học sinh có thể làm gộp nhiều bước tính hoặc có cách giải khác, nếu đúng vẫn được tính điểm tối đa.

- Điểm toàn bài là số nguyên theo quy tắc làm tròn 0,5 thành 1,0.
